**PHỤ LỤC I**

**DỰ TOÁN KINH PHÍ TỔ CHỨC NGÀY VĂN HÓA ĐIỂM TẠI THÔN KON GO, XÃ ĐĂK RVE, TỈNH QUẢNG NGÃI**

*(Ban hành kèm theo Biên bản số 01/BB-VHXH-TTCUDVCI ngày 10/11/2026)*

| STT | NỘI DUNG | ĐVT | Số lương | Định mức | Thành tiền | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Chi phí Làm khung, in ấn Ma két lớn | gói | 1 | 8.000.000 | 8.000.000 | |
| 2 | Chi phí Ma két tuyên truyền ngày hội điểm tại nhà rông (1 mặt) | Cái | 6 | 600.000 | 3.600.000 | |
| 3 | Chi phí Ma két tuyên truyền ngày hội treo tại các trục đường chính (2 mặt) | gói | 9 | 1.100.000 | 9.900.000 | |
| 4 | Chi phí thuê rạp, bàn ghế cho đại biểu, khách mời | gói | 1 | 15.000.000 | 15.000.000 | |
| 5 | Chi phí thuê âm thanh, ánh sáng, loa đài, màn hình trình chiếu | gói | 1 | 8.000.000 | 8.000.000 | |
| 6 | Chi phí thuê cồng chiêng cho các thôn biểu diễn | bộ | 2 | 1.500.000 | 3.000.000 | |
| 7 | Chi phí thuê trang phục biểu diễn văn nghệ, biểu diễn cồng chiêng | bộ | 26 | 200.000 | 5.200.000 | |
| 8 | Hoa trang trí ngày hội (Hoa trang trí sân khấu, bàn đại biểu…) | lẵng | 6 | 500.000 | 3.000.000 | |
| 9 | Cờ dây trang trí tại các điểm tổ chức ngày hội (9 thôn * 6 dây | dây | 54 | 70.000 | 3.780.000 | |
| | **Tổng** | | | | **59.480.000** | |

*Bằng chữ: Năm mươi chín triệu bốn trăm tám mươi ngàn đồng*

# PHỤ LỤC II

## DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐOÀN THAM DỰ BIỂU DIỄN CỒNG CHIÊNG TẠI PHƯỜNG KON TUM, TỈNH QUẢNG NGÃI

*(Ban hành kèm theo Biên bản số 01/BB-VHXH-TTCUDVCI ngày 10/11/2026)*

| STT | NỘI DUNG | ĐVT | Số lương | Định mức | Thành tiền | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Chi phí thuê trang phục biểu diễn cồng chiêng | bộ | 31 | 650.000 | 20.150.000 | |
| 2 | Thuê công cụ, dụng cụ phục vụ các tiết mục biểu diễn (nia, đàn, chuỗi, cườm, gùi.....) | bộ | 4 | 1.500.000 | 6.000.000 | |
| 3 | Thuê người đánh đàn Tờ Rưng biểu diễn | ngày | 3 | 1.000.000 | 3.000.000 | |
| 4 | Thuê xe đưa đón đoàn tham dự (từ ngày 19/11 đến ngày 23/11) | ngày | 5 | 3.400.000 | 17.000.000 | |
| 5 | Phụ cấp lưu trú đoàn tham dự (9 người *5 ngày *150.000đ/ngày | ngày | 45 | 150.000 | 6.750.000 | NQ 15 |
| 6 | Tiền thuê phòng nghỉ Trưởng đoàn, phó đoàn, thành viên (400.000đ/đêm*9 người * 4 đêm | đêm | 36 | 400.000 | 14.400.000 | |
| | **Tổng** | | | | **67.300.000** | |

*Bằng chữ: Sáu mươi bảy triệu ba trăm nghìn đồng*